

Bản án số: **33/2022/KDTM-ST**
Ngày: 03/6/2022
V/v tranh chấp hợp
đồng thuê thiết bị

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn.

2. Ông Võ Hoàng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2022/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty ANT.

Địa chỉ trụ sở chính: Q M, TP HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P Q K; sinh năm: 1978.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà T T L N(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Q M, TP HCM.

(Theo Giấy ủy quyền số 49/UQ-CNT ngày 23/11/2021 của Công ty CNT).

2. Bị đơn: Công ty APH. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở chính: HBC, TP H.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty APH: Ông HCH; sinh năm: 1966; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên. (vắng mặt)

Địa chỉ chỗ ở của ông Hưng: HBC, TP H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19/8/2020 của nguyên đơn Công ty ANT; trong quá trình giải quyết vụ án bà T T L N là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đơn trình bày:

Vào ngày 17/4/2013 Công ty ANT (Sau đây gọi tắt là Bên cho thuê) và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng (sau đây gọi tắt là Bên thuê) đã ký Hợp đồng thuê thiết bị số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng thuê thiết bị số 79-2013/HĐKT-CNT.

Theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 giữa Công ty ANT và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thì các bên thỏa thuận việc Công ty ANT cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thuê máy sỏi nước SJ-300E trong thời gian dự kiến là 03 (ba) tháng tính kể từ ngày Bên cho thuê bàn giao thiết bị cho Bên thuê tại kho của Bên cho thuê với giá cho thuê là 30.000.000 đồng/tháng (ba mươi triệu đồng một tháng) tương ứng với giá trị của hợp đồng là 30.000.000 đồng x 03 tháng = 90.000.000 đồng.

Theo Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 giữa Công ty ANT và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thì các bên thỏa thuận việc Công ty ANT cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thuê búa rung 90Kw trong thời gian dự kiến là 03 (ba) tháng tính kể từ ngày Bên cho thuê bàn giao thiết bị cho Bên thuê tại kho của Bên cho thuê với giá cho thuê là 40.000.000 đồng/tháng (bốn mươi triệu đồng một tháng), tương ứng với giá trị của hợp đồng là 40.000.000 đồng x 03 tháng = 120.000.000 đồng.

Tuy nhiên trên thực tế thì Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng đã thuê các thiết bị nêu trên của Công ty ANT từ tháng 4 năm 2013 cho đến tháng 02 năm 2014 với tổng tiền thuê là 473.873.000 đồng. Sau mỗi lần thuê thiết bị thì Bên cho thuê sẽ suất Hóa đơn Giá trị gia tăng cho Bên thuê và Bên thuê ký xác nhận số tiền thuê thiết bị vào Hóa đơn Giá trị gia tăng với tư cách là “Người mua hàng”. Như vậy giá trị và thời gian thực hiện hợp đồng của hai bên nhiều hơn dự kiến trong hợp đồng và hai bên vẫn thỏa thuận tiếp tục thực hiện mà không ký thêm phụ lục hợp đồng nào khác.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0006499 ngày 31/5/2013 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/4/2013 đến ngày 18/5/2013 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 35.000.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010513 ngày 30/6/2013 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/5/2013 đến ngày 18/6/2013 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 70.000.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010520 ngày 26/8/2013 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/6/2013 đến ngày 18/7/2013 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 61.950.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010524 ngày 31/8/2013 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/7/2013 đến ngày 18/8/2013 theo Hợp đồng số 78-

2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 35.000.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010533 ngày 30/9/2013 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/8/2013 đến ngày 18/9/2013 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 35.000.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010539 ngày 29/10/2013 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/9/2013 đến ngày 18/10/2013 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 35.000.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0013601 ngày 30/11/2013 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/10/2013 đến ngày 18/11/2013 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 35.000.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0013609 ngày 24/12/2013 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/11/2013 đến ngày 18/12/2013 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 70.000.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0013628 ngày 28/02/2014 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/12/2013 đến ngày 18/01/2014 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 51.154.000 đồng.

Theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0013632 ngày 31/3/2014 của Công ty ANT thì các bên đã xác số tiền thuê thiết bị từ ngày 19/01/2014 đến ngày 18/02/2014 theo Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT và Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 nêu trên là 45.769.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thuê các thiết bị theo các Hợp đồng nêu trên là 473.873.000 đồng. Tuy nhiên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng chỉ thanh toán tiền thuê thiết bị nêu trên cho Công ty ANT với tổng số tiền là 405.586.363 đồng và còn nợ lại 68.286.637 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng). Cụ thể:

Ngày 24/4/2013 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thanh toán cho Công ty ANT số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 01/7/2013 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thanh toán cho Công ty ANT số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 12/8/2013 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thanh toán cho Công ty ANT số tiền 35.000.000 đồng.

Ngày 28/10/2013 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thanh toán cho Công ty ANT số tiền 35.000.000 đồng.

Ngày 11/12/2013 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thanh toán cho Công ty ANT số tiền 61.950.000 đồng.

Ngày 18/3/2014 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thanh toán cho Công ty ANT số tiền 35.000.000 đồng.

Ngày 30/3/2014 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thanh toán cho Công ty ANT số tiền 35.000.000 đồng.

Ngày 17/8/2017 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thanh toán cho Công ty ANT số tiền 63.636.363 đồng.

Do đó Công ty ANT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng phải thanh toán cho Công ty ANT số tiền thuê máy sỏi nước SJ-300E và số tiền Hưng thuê búa rung 90Kw còn thiếu là 68.286.637 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng), yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra Công ty ANT không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty ANT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty ANT khởi kiện Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng yêu cầu trả nợ theo hợp đồng thuê thiết bị mà các bên đã ký kết với nhau là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng có trụ sở chính tại HBC, TP H. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà T T L N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty ANT có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Na theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai giấy triệu tập và các văn bản tố tụng mời Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng vẫn vắng mặt. Do

đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để mời Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng đến Tòa án để giải quyết vụ kiện tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị giữa Công ty ANT và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng nhưng Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng tự trước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định:

"Khoản 1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...

Khoản 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án".

[6] Căn cứ vào nội dung Hợp đồng số 78-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 giữa Công ty ANT và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng và căn cứ vào nội dung Hợp đồng số 79-2013/HĐKT-CNT ký ngày 17/4/2013 giữa Công ty ANT và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thì Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Công ty ANT đã cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng thuê máy sỏi nước SJ-300E và thuê búa rung 90Kw.

[7] Căn cứ vào nội dung ghi trên Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0006499 ngày 31/5/2013; Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010513 ngày 30/6/2013; Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010520 ngày 26/8/2013; Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010524 ngày 31/8/2013; Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010533 ngày 30/9/2013; Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0010539 ngày 29/10/2013; Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0013601 ngày 30/11/2013; Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0013609 ngày 24/12/2013; Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0013628 ngày 28/02/2014 và Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0013632 ngày 31/3/2014 của Công ty ANT thì Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty ANT tổng số tiền thuê máy sỏi nước SJ-300E và tiền thuê búa rung 90Kw là 473.873.000 đồng. Tuy nhiên, do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng đã thanh toán cho Công ty ANT được tổng số tiền là 405.586.363 đồng. Do đó việc Công ty ANT yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng phải thanh toán số tiền thuê thiết bị còn thiếu là 68.286.637 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng) là có căn cứ.

[8] Tại khoản 1 Điều 489 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Bên thuê phải trả đủ tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận về thời hạn trả tiền thuê thì thời hạn trả tiền thuê được xác định theo tập quán nơi trả tiền; nếu không thể xác định được thời hạn theo tập quán thì bên thuê phải trả tiền khi trả lại tài sản thuê*”.

[9] Từ những nhận định tại [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty ANT đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng. Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng phải thanh toán cho Công ty ANT số tiền thuê máy sỏi nước SJ-300E và số tiền Hưng thuê búa rung 90Kw còn thiếu là 68.286.637 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

[10] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty ANT được chấp nhận nên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm là: 3.419.332 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 480, Điều 481, Điều 482 và Điều 489 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 24, Điều 50 của Luật thương mại 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty ANT đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng. Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty ANT số tiền thuê thiết bị còn thiếu là 68.286.637 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty ANT cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phúc Hưng chịu 3.419.332 đồng (ba triệu bốn trăm mười chín ngàn ba trăm ba mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Hoàn trả lại cho Công ty ANT số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) mà Công ty ANT đã đóng theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0080214 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa



Nguyễn Trọng Hưng